

Số: 20/QĐ-THLH

Liên Hòa, ngày 14 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai Quyết toán thu-chi ngân sách nhà nước
năm 2024 của Trường Tiểu học Liên Hòa**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC LIÊN HÒA

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào bảng đối chiếu tình hình sử dụng kinh phí ngân sách bằng hình thức rút dự toán tại kho bạc nhà nước năm 2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán thu-chi ngân sách năm 2024 của Trường Tiểu học Liên Hòa (theo biểu đính kèm).

Thời gian công khai: Từ ngày 14/02/2025 đến hết ngày 14/03/2025

Địa điểm công khai: Bảng công khai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ văn phòng, và các ông (bà) liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đơn vị dự toán cấp trên;
- Các bộ phận liên quan;
- Lưu: VT,...



Nguyễn Văn Doanh

Đơn vị: Trường TH Liên Hòa

Chương: 622



QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC năm 2024

(Kèm theo Quyết định số 20/QĐ-THLH ngày 14/02/2025 của Trường TH Liên Hòa)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
	Học phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp giáo dục				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước		8.087,372		
1	Chi quản lý hành chính		8.087,372		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề		8.087,372		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		7.187,965		
	Mục 6000 - Tiền lương		3.107,650		
	Mục 6050 - Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng		65,000		
	Mục 6100 - Phụ cấp lương		1.713,002		
	Mục 6250 - Phúc lợi tập thể		92,681		
	Mục 6300 - Các khoản đóng góp		880,963		
	Mục 6400 - Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		222,161		
	Mục 6500 - Thanh toán dịch vụ công cộng		82,497		

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
	Mục 6550 - Vật tư văn phòng		327,072		
	Mục 6600 - Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		30,984		
	Mục 6650 - Hội nghị		10,191		
	Mục 6700 - Công tác phí		28,190		
	Mục 6750 - Chi phí thuê mướn		191,340		
	Mục 6900 - Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng		136,031		
	Mục 7000 - Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		160,019		
	Mục 7750 - Chi khác		140,184		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		899,407		
	Mục 6050 - Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng		60,500		
	Mục 6100 - Phụ cấp lương		283,865		
	Mục 6150 - Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học		27,300		
	Mục 6200 - Tiền thưởng		177,900		
	Mục 6300 - Các khoản đóng góp		9,047		
	Mục 6550 - Vật tư văn phòng		66,738		
	Mục 6750 - Chi phí thuê mướn		108,000		
	Mục 7000 - Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		166,057		

Mã chương: 622
Đơn vị: Trường tiểu học Liên Hoà
Mã ĐVQHNS: 1026582
Mã cấp NS: 3

Người ký: Hoàng Thị Văn Thủy
Ngày ký: 23/01/2025 18:54:52
Chức danh: Trưởng phòng
Đơn vị: Khoa Học Nhà nước
Quảng Yên
Nội dung: Phiếu duyệt hồ sơ đổi
chỉ số xác nhận số dư

Mẫu số 20a
Ký hiệu: 01a-SDKP/BVDT

BẢNG ĐỔI CHIỀU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Năm 2024

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12	072	00000	0	598.893.000	722.770.057	722.770.057	722.770.057	721.507.457	721.507.457	0	0	1.000.000	1.262.600
13	072	00000	365.201	7.287.740.000	7.191.600.000	7.191.600.000	7.191.965.201	7.187.965.201	7.187.965.201	0	0	4.000.000	4.000.000
18	072	00000	0	177.900.000	177.900.000	177.900.000	177.900.000	177.900.000	177.900.000	0	0	0	0
Cộng:			365.201	8.064.533.000	8.092.270.057	8.092.270.057	8.092.635.258	8.087.372.658	8.087.372.658	0	0	5.000.000	5.262.600

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.
Ghi chú của KBNN:

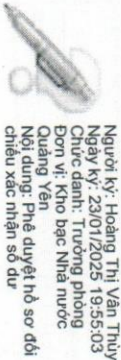
KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Ngày 23 tháng 1 năm 2025
Kế toán trưởng
(Ký tên, đóng dấu)
Đinh Khắc Nam

Người ký: Hoàng Văn Thủy
Ngày ký: 23/01/2025 18:54:52
Chức danh: Trưởng phòng
Đơn vị: Khoa Học Nhà nước, Quảng Yên

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH
Ngày 23 tháng 1 năm 2025
Kế toán trưởng
(Ký tên, đóng dấu)
Thủ trưởng đơn vị

Người ký: Lê Thị Thu
Ngày ký: 23/01/2025 11:02:33
Chức danh: Trưởng phòng Kế toán
Đơn vị: Trường tiểu học Liên Hoà

Người ký: Nguyễn Văn Thanh
Ngày ký: 23/01/2025 11:02:33
Chức danh: Trưởng phòng Kế toán
Đơn vị: Trường tiểu học Liên Hoà



Mã chương: 622
Đơn vị: Trường tiểu học Liên Hoà
Mã DVQHNS: 1026582
Mã cấp NS: 3

Mẫu số 20c
Ký hiệu: 02a-SDKP/BVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Năm 2024

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	12	072	6051	00000	0	0	60.500.000	60.500.000	60.500.000	60.500.000
Phụ cấp khác	12	072	6149	00000	0	0	283.865.557	283.865.557	283.865.557	283.865.557
Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	12	072	6157	00000	0	0	27.300.000	27.300.000	27.300.000	27.300.000
Bảo hiểm xã hội	12	072	6301	00000	0	0	6.737.500	6.737.500	6.737.500	6.737.500
Bảo hiểm y tế	12	072	6302	00000	0	0	1.155.000	1.155.000	1.155.000	1.155.000
Kinh phí công đoàn	12	072	6303	00000	0	0	770.000	770.000	770.000	770.000
Bảo hiểm thất nghiệp	12	072	6304	00000	0	0	385.000	385.000	385.000	385.000
Vật tư văn phòng khác	12	072	6599	00000	0	0	66.738.040	66.738.040	66.738.040	66.738.040
Thuế lao động trong nước	12	072	6757	00000	0	0	96.000.000	96.000.000	96.000.000	96.000.000
Thuế đào tạo lại cán bộ	12	072	6758	00000	0	0	12.000.000	12.000.000	12.000.000	12.000.000
Chi mua hàng hóa, vật tư	12	072	7001	00000	0	0	146.892.360	146.892.360	146.892.360	146.892.360
Chi khác	12	072	7049	00000	0	0	19.164.000	19.164.000	19.164.000	19.164.000
Lương theo ngạch, bậc	13	072	6001	00000	0	0	3.107.650.384	3.107.650.384	3.107.650.384	3.107.650.384
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	13	072	6051	00000	0	0	65.000.000	65.000.000	65.000.000	65.000.000
Phụ cấp chức vụ	13	072	6101	00000	0	0	41.234.625	41.234.625	41.234.625	41.234.625

Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	13	072	6105	00000	0	0	35.277.611	35.277.611	35.277.611	35.277.611
Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	13	072	6107	00000	0	0	4.968.000	4.968.000	4.968.000	4.968.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	072	6112	00000	0	0	1.059.063.120	1.059.063.120	1.059.063.120	1.059.063.120
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	072	6113	00000	0	0	7.452.000	7.452.000	7.452.000	7.452.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	13	072	6115	00000	0	0	565.006.584	565.006.584	565.006.584	565.006.584
Chi khác	13	072	6299	00000	0	0	92.681.000	92.681.000	92.681.000	92.681.000
Bảo hiểm xã hội	13	072	6301	00000	0	0	657.086.400	657.086.400	657.086.400	657.086.400
Bảo hiểm y tế	13	072	6302	00000	0	0	112.643.383	112.643.383	112.643.383	112.643.383
Kinh phí công đoàn	13	072	6303	00000	0	0	74.405.286	74.405.286	74.405.286	74.405.286
Bảo hiểm thất nghiệp	13	072	6304	00000	0	0	36.827.800	36.827.800	36.827.800	36.827.800
Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ	13	072	6404	00000	0	0	194.945.047	194.945.047	194.945.047	194.945.047
Chi khác	13	072	6449	00000	0	0	27.216.000	27.216.000	27.216.000	27.216.000
Tiền điện	13	072	6501	00000	0	0	56.981.640	56.981.640	56.981.640	56.981.640
Tiền nước	13	072	6502	00000	0	0	25.516.328	25.516.328	25.516.328	25.516.328
Văn phòng phẩm	13	072	6551	00000	0	0	42.702.212	42.702.212	42.702.212	42.702.212
Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	13	072	6552	00000	0	0	41.205.000	41.205.000	41.205.000	41.205.000
Khoản văn phòng phẩm	13	072	6553	00000	0	0	18.750.000	18.750.000	18.750.000	18.750.000
Vật tư văn phòng khác	13	072	6599	00000	0	0	224.414.760	224.414.760	224.414.760	224.414.760
Thuế bao kênh vệ tinh, thuế bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuế đường truyền mạng	13	072	6605	00000	0	0	22.584.989	22.584.989	22.584.989	22.584.989
Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện	13	072	6608	00000	0	0	8.398.900	8.398.900	8.398.900	8.398.900
Các khoản thuế mướn khác	13	072	6657	00000	0	0	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000
Chi phí khác	13	072	6699	00000	0	0	7.391.200	7.391.200	7.391.200	7.391.200
Tiền vé máy bay, tàu, xe	13	072	6701	00000	0	0	4.340.000	4.340.000	4.340.000	4.340.000
Phụ cấp công tác phí	13	072	6702	00000	0	0	9.850.000	9.850.000	9.850.000	9.850.000
Tiền thuê phòng ngủ	13	072	6703	00000	0	0	3.500.000	3.500.000	3.500.000	3.500.000
Khoản công tác phí	13	072	6704	00000	0	0	10.500.000	10.500.000	10.500.000	10.500.000
Thuế lao động trong nước	13	072	6757	00000	0	0	90.000.000	90.000.000	90.000.000	90.000.000

Chi phí thuê mướn khác	13	072	6799	00000	0	0	101.340.000	101.340.000	101.340.000	101.340.000
Các thiết bị công nghệ thông tin	13	072	6912	00000	0	0	78.232.450	78.232.450	78.232.450	78.232.450
Tài sản và thiết bị văn phòng	13	072	6913	00000	0	0	14.950.000	14.950.000	14.950.000	14.950.000
Đường điện, cấp thoát nước	13	072	6921	00000	0	0	42.848.800	42.848.800	42.848.800	42.848.800
Chi mua hàng hóa, vật tư	13	072	7001	00000	0	0	62.118.124	62.118.124	62.118.124	62.118.124
Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động	13	072	7004	00000	0	0	4.000.000	4.000.000	4.000.000	4.000.000
Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	13	072	7012	00000	0	0	8.710.000	8.710.000	8.710.000	8.710.000
Chi khác	13	072	7049	00000	0	0	85.189.730	85.189.730	85.189.730	85.189.730
Chi các khoản phí và lệ phí	13	072	7756	00000	0	0	30.028.828	30.028.828	30.028.828	30.028.828
Chi các khoản khác	13	072	7799	00000	0	0	110.155.000	110.155.000	110.155.000	110.155.000
Thường thường xuyên	18	072	6201	00000	0	0	177.900.000	177.900.000	177.900.000	177.900.000
Cộng:				0	0	0	8.087.372.658	8.087.372.658	8.087.372.658	8.087.372.658

Phần KBNN ghi:

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 23 tháng 1 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Đinh Khắc Nam

Người ký: Hoàng Văn Thùy
Ngày ký: 23/01/2025 10:45:03
Chức danh: Trưởng phòng
Đơn vị: Khoa Học Nhà nước - Quảng Yên

Hoàng Văn Thùy

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 23 tháng 1 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Đỗ Thị Bé

Người ký: Đỗ Thị Bé
Ngày ký: 23/01/2025 11:04:24
Đơn vị: Trường tiểu học Liên Hòa

Người ký: Nguyễn Văn Doanh
Ngày ký: 23/01/2025 11:04:24
Đơn vị: Trường tiểu học Liên Hòa

Nguyễn Văn Doanh